

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠNH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2024/DS-ST  
Ngày: 23-7-2024  
V/v tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Văn Tú

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Bùi Thị Duyên
- Bà Phan Thị Cẩm Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Hữu Văn - Thư ký Tòa án.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2024 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Ngô Hồng Ngọc N, sinh năm: 2001; địa chỉ: số B ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp (theo ủy quyền) của nguyên đơn: bà Lê Thị Thanh N1, sinh năm 1990; địa chỉ: B ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Bà Lâm Thị Bích P, sinh năm: 1976 và ông Phạm Văn Út E, sinh năm: 1971; cùng địa chỉ: số C ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. (cùng vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng bà Lê Thị Thanh N1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngô Hồng Ngọc N trình bày:*

Ngày 21/11/2023, bà Ngô Hồng Ngọc N có cho vợ chồng bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Út E vay số tiền 161.000.000 đồng. Vay không lãi suất, mục đích vay trả nợ ngân hàng, thời hạn trả ngày 26/11/2023. Bà P tự viết giấy Biên nhận, bà P và ông Út E ký và ghi rõ họ tên vào bên người mượn.

Ngày 21/11/2023, bà Ngô Hồng Ngọc N có cho vợ chồng bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Út E vay số tiền 800.000.000 đồng. Vay không lãi suất, mục đích vay làm kinh tế gia đình, thời hạn trả chia làm 04 đợt như sau: ngày 21/02/2024 trả tiền gốc 200.000.000 đồng, ngày 21/5/2024 trả tiền gốc

200.000.000 đồng, ngày 21/8/2024 trả tiền gốc 200.000.000 đồng và ngày 21/11/2024 trả tiền gốc 200.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay này, ngày 21/11/2023 bà Ngô Hồng Ngọc N cùng bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Ú Em đến Văn phòng C để ký Hợp đồng vay tiền chứng thực số 3649 quyền số 1/2023TP/CC-SCC/HĐGD.

Đối với các khoản nợ 161.000.000 đồng trả vào ngày 26/11/2023 và khoản nợ ngày 200.000.000 đồng trả vào ngày 21/02/2024 thì bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Ú Em chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà N, nhiều lần bà N yêu cầu bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Ú Em trả nợ nhưng bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Ú E không thực hiện và né tránh.

Nay bà Ngô Hồng Ngọc N yêu cầu giải quyết: buộc bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Ú E có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ngô Hồng N2 Ngân số tiền vay còn nợ là 361.000.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Ú E có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi chậm trả của số tiền nợ gốc là 361.000.000 đồng, yêu cầu tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án là ngày 01/3/2024 đến ngày 01/6/2024 là 03 tháng với mức lãi suất là 0,83%/tháng, số tiền lãi là 8.988.900 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi yêu cầu trả là 369.988.900 đồng.

*Bị đơn bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Ú Em vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Hồng Ngọc N yêu cầu bị đơn bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Ú Em trả tiền vay nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Ú Em cư trú tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Bị đơn bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Ú E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Ú E.

[3] Về nội dung tranh chấp: nguyên đơn bà Ngô Hồng Ngọc N yêu cầu bị đơn bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Ú Em trả số tiền vay còn nợ là 361.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Về nghĩa vụ chứng minh: tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn Ngô Hồng Ngọc N đã cung cấp cho Tòa án gồm có:

Văn bản có tiêu đề “Biên nhận” là bản chính có nội dung: “*tôi tên Lâm Thị Bích P ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre – sn 1976 cùng chồng là Phạm Văn Út E - sn 1971 có mượn của cháu Ngô Hồng N2 Ngân số tiền là 161.000.000, bằng chữ: một trăm sáu mươi một triệu đồng. 22-11-2023 ngày mượn, ngày trả 26-11-2023. Người mượn Lâm Thị Bích P, Phạm Văn Út E*”. Phía nguyên đơn xác định bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Út E có ký tên vào “Biên nhận” này.

Văn bản có tiêu đề “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN” là bản sao có chứng thực có nội dung thể hiện: “*bên cho vay là bà Ngô Hồng Ngọc N, bên vay là ông Phạm Văn Út E và bà Lâm Thị Bích P, số tiền vay là 800.000.000 đồng, không lãi suất, thời hạn vay là 12 tháng, phương thức thanh toán tiền gốc vào ngày 21/02/2024 trả 200.000.000 đồng*”. Hợp đồng vay tiền này được Văn phòng C chứng thực số 3649 quyền số 1/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/11/2023.

Đối với bị đơn bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Út E đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và bản sao các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án theo đúng quy định nhưng vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập và tại phiên tòa hôm nay. Bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Út E không đưa ra ý kiến phản đối về các chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Trên cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện và các tài liệu của nguyên đơn cung cấp, việc không phản đối của bị đơn bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Út E; do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án công nhận tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp làm cơ sở xác định giữa nguyên đơn bà Ngô Hồng Ngọc N và bị đơn bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Út E có xác lập, thực hiện hợp đồng vay tài sản và bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Út E có vay của bà Ngô Hồng Ngọc N3 số tiền 361.000.000 đồng nhưng chưa trả. Đồng thời có đủ cơ sở xem xét hợp đồng vay tài sản được bà Ngô Hồng Ngọc N, bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Út E giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên đều có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp và được công nhận theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Về nghĩa vụ trả tiền: từ những căn cứ như đã nêu ở trên có căn cứ xác định bị đơn bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Út E chưa thanh toán cho bà Ngô Hồng Ngọc N2 Ngân số tiền đã vay 361.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, cần buộc bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Út E có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ngô Hồng Ngọc N2 Ngân số tiền 361.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.3] Xét yêu cầu tính lãi suất: nguyên đơn yêu cầu bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Út E trả tiền lãi của số tiền vay 361.000.000 đồng, lãi tính từ ngày 01/3/2024 đến ngày 01/6/2024 là 03 tháng với mức lãi suất là 0,83%/tháng, số tiền lãi là 8.988.900 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Án phí được tính như sau:  $369.988.900 \text{ đồng} \times 5\% = 18.499.445 \text{ đồng}$ .

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 288, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Hồng Ngọc N đối với bị đơn bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Út E. Buộc bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Út E có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ngô Hồng N2 Ngân số tiền tổng cộng là 369.988.900 đồng (ba trăm, sáu mươi chín triệu, chín trăm tám mươi tám nghìn, chín trăm đồng), trong đó tiền nợ gốc là 361.000.000 đồng và tiền lãi là 8.988.900 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Út E có nghĩa vụ liên đới chịu 18.499.445 đồng (mười tám triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng).

Bà Ngô Hồng Ngọc N được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.025.000 đồng theo biên lai thu số 0003662 ngày 27/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hồ Văn Tú**